TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 780/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2019
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q,TỈNH B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hạnh - *Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 665/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Lệ M, sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: 08 Nguyễn H, thành phố Q, tỉnh B.
Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm: 1979 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 08 Nguyễn H, Tp. Q, tỉnh B.
Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Lệ M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê T đăng ký kết hôn ngày 30/12/2008 tại UBND phường L, Tp. Q, tự nguyện có tìm hiểu thời gian 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh T hạnh phúc bình thường đến năm 2017 phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, tinh thần không ổn định, không làm chủ được bản thân. Anh T không có tiền để phục vụ vào việc dùng ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị đã nhiều lần động viên anh T sửa chữa nhưng anh T không nghe. Trước đây vào năm 2010 anh T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và bị phạt 08 năm tù, đến tháng 7/2015 ra tù nhưng anh T vẫn không tu chí làm ăn mà tiếp tục phạm tội. Hiện nay anh T bị kết án 3 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Từ tháng 6/2017 vợ chồng tự sống ly thân đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa. Chị cương quyết xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên: Lê Huỳnh Thiên K, sinh ngày: 23/4/2010. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay cháu K đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 18/7/2019 bị đơn anh Lê T trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị M đã khai. Anh và chị M đăng ký kết hôn ngày 30/12/2008 tại UBND phường L, Tp. Q, trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh hạnh phúc bình thường đến năm 2010 thì anh bị kết án 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 17/7/2015 anh được ra tù trước thời hạn. Sau khi anh ra tù về thì vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc bình thường, có lúc mâu thuẫn nhau nhưng không đáng kể. Đến tháng 7/2017 chị M dẫn con bỏ nhà đi và vợ chồng tự sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ngày 15/01/2019 anh bị bắt về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và bị kết án 03 năm tù. Hiên nay anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Nay chị M xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên: Lê Huỳnh Thiên K, sinh ngày: 23/4/2010. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay cháu K đang ở với chị M. Khi ly hôn anh đồng ý chị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm,

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+*Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị*:

-Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Lệ M được ly hôn với anh Lê T.

-Về nuôi con chung:

+ Giao con chung Lê Huỳnh Thiên K, sinh ngày: 23/4/2010 cho chị Huỳnh Lệ M trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê T - là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Lệ M và anh Lê T là hôn nhân hợp pháp. Nay chị M xin ly hôn anh T là do anh T nghiện ma túy, tinh thần không ổn định, không làm chủ được bản thân. Chị đã nhiều lần động viên anh T sửa chữa nhưng anh T không nghe. Còn anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhau nhưng không đáng kể, nhưng chị M xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Hiện nay anh đang chấp hành phạt tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên anh đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải vụ án và anh xin được vắng mặt khi Tòa xét xử vụ án.

Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh T không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị M và được anh T đồng ý là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là: Lê Huỳnh Thiên K, sinh ngày: 23/4/2010. Sức khỏe cháu K bình thường, hiện nay đang ở với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu K đang ở ổn định với chị M và cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Hơn nữa cháu K có nguyện vọng là muốn ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K, do đó yêu cầu nuôi con của chị M và được anh T chấp nhận là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Lệ M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Lệ M ly hôn anh Lê T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung: Lê Huỳnh Thiên K, sinh ngày: 23/4/2010 cho chị Huỳnh Lệ M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Lệ M phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0001683 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Thắng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSNDTp.Q;
-UBND P.L;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương